

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

Bản án số: 38/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 3 - 2025
V/v ly hôn, con chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc và ông Nguyễn Xuân Thí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuận – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm ly hôn thụ lý số 80/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tiểu khu L, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Ngọc T, sinh năm 1984

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tiểu khu L, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình

Hiện trú tại: I, hakusan shi, oyanagimachi, R, Nhật Bản, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn và bản tự khai chị Ngô Thị H trình bày: Chị với anh Phan Ngọc T tìm hiểu và yêu nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q (nay là phường Q, thị xã B), tỉnh Quảng Bình vào ngày 06/5/2011 vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không hoà hợp, thường cãi vã nhau, không quan tâm lo lắng cuộc sống gia đình. Năm 2019 anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu anh cũng liên lạc với vợ con, nhưng sau đó anh không liên lạc nữa, tình cảm vợ chồng nhạt dần, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn xin được ly hôn anh T để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là [Phan Thị Ngọc L](#), sinh ngày 30/10/2011 (bị khuyết tật) và [Phan Tuấn H1](#), sinh ngày 25/7/2017. Hiện hai con đang sống cùng với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi hai con và yêu cầu anh [T](#) cấp dưỡng nuôi con một tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng có một số tài sản chung vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn thông qua [Đ](#) tại Nhật Bản và gửi trực tiếp theo địa chỉ của bị đơn; thực hiện việc đăng thông báo và niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng không nhận được phản hồi của bị đơn. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thực hiện việc đăng trên kênh của Ban đối ngoại VOV5 [Đ1](#) và trên Cổng thông tin điện tử của hệ thống Tòa án nhưng không có kết quả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị [Ngô Thị H](#) được ly hôn anh [Phan Ngọc T](#); giao con chung cho chị [H](#) trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh [Phan Ngọc T](#) cấp dưỡng nuôi con chung một tháng 4.000.000 đồng; về tài sản chung không xem xét. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật, buộc bị đơn chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị [Ngô Thị H](#) đơn làm đơn xin ly hôn anh [Phan Ngọc T](#) đang cư trú tại nước ngoài. Tại Thông báo số 1555/CV-QLXNC ngày 06/6/2024 của [Phòng Q](#), [Công an tỉnh Q](#) thì anh [Phan Ngọc T](#) đã xuất cảnh lần gần nhất vào ngày 29/5/2023 đến nay chưa nhập cảnh về Việt Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn đã trực tiếp tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không có mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn theo quy định, cụ thể: Tòa án đã gửi văn bản tố tụng cho [Đ](#) tại Nhật Bản và gửi trực tiếp theo địa chỉ của bị đơn; thực hiện việc đăng thông báo và niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thực hiện việc đăng trên kênh của Ban đối ngoại VOV5 [Đ1](#) và trên Cổng thông tin điện tử của hệ thống Tòa án và tổng đạt các văn bản qua Gmail [phanngoctuyet@gmail.com](#) của bị đơn nhưng không có kết quả. Theo quy định tại khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị [Ngô Thị H](#) và anh [Phan Ngọc T](#) yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q](#) (nay là [UBND phường Q](#)) [thị xã B, tỉnh Quảng Bình](#) vào ngày 06 tháng 05 năm 2011, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hoà hợp, thường cãi vã nhau, không quan tâm lo lắng cuộc sống cho nhau. Năm 2019 anh [T](#) đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu có liên lạc, nhưng sau đó anh không liên lạc nữa, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hội đồng xét xử thấy tình cảm anh chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị [H](#) được ly hôn anh [Phan Ngọc T](#).

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là [Phan Thị Ngọc L](#), sinh ngày 30/10/2011 (bị khuyết tật) và [Phan Tuấn H1](#), sinh ngày 25/7/2017. Hiện hai con đang sống cùng với chị. Sau khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh [T](#) cấp dưỡng nuôi con một tháng 5.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy anh [T](#) đang cư trú ở nước ngoài có khả năng về kinh tế, chị [H](#) đang trực tiếp nuôi con nên chấp nhận yêu cầu này của chị [H](#).

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị [Ngô Thị H](#) và anh [Phan Ngọc T](#) có một số tài sản chung nhưng hai bên tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ và chi phí tố tụng hết 4.033.000 đồng nên cần buộc chị [H](#) chịu toàn bộ chi phí tố tụng (chị [H](#) đã nộp đủ).

[6] Về án phí: Chị [Ngô Thị H](#) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh [Phan Ngọc T](#) phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[8] Chị [Ngô Thị H](#) có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh [Phan Ngọc T](#) có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Xử vắng mặt anh [Phan Ngọc T](#)
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị [Ngô Thị H](#) xử cho chị [Ngô Thị H](#) được ly hôn anh [Phan Ngọc T](#).
3. Về quan hệ con chung: Giao cho chị [Ngô Thị H](#) được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung [Phan Thị Ngọc L](#), sinh ngày 30/10/2011 (bị khuyết tật) và [Phan Tuấn H1](#), sinh ngày 25/7/2017. Buộc anh [Phan Ngọc T](#) đóng góp tiền nuôi con một tháng 5.000.000 đồng. Kể từ tháng 4/2025, lần lượt cho đến khi các con trưởng thành.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

4. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị [Ngô Thị H](#) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0004900 ngày 13/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình và 4.033.000 đồng chi phí tố tụng (chị [H](#) đã nộp đủ tiền án phí và chi phí tố tụng).

Anh [Phan Ngọc T](#) phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị [Ngô Thị H](#) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/3/2025); anh [Phan Ngọc T](#) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Quảng Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dương